TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HS-ST
Ngày: 05-8-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tấn Thành.

Ông Võ Văn Long.

- ***Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An tham gia phiên tòa***: Ông Lê Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HS, ngày 21 tháng 7 năm 2022, đối với các bị cáo:

1)- **Hà Ngọc T,** tên gọi khác: Tý, sinh năm 1978, tại L. Nơi cư trú: Số 544/1, ấp 1, xã H, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn P và bà Trần Thị M; vợ: Nguyễn Huỳnh Kim T; con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2020.

- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/4/2022 đến nay. Có mặt tại phiên toà.

2)- **Phạm Công Đ,** sinh năm 1991, tại T. Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Đoàn Thị N; vợ: Trần Bích T; con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2019.

- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/4/2022 đến nay. Có mặt tại phiên toà.

3)- **Nguyễn Văn Th,** sinh năm 1982, tại Tiền Giang. Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: làm ruộng; chức vụ trước khi phạm tội: Đảng viên, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng kể từ ngày 16/5/2022; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị C; vợ: Nguyễn Thị Hồng M; con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/4/2022 đến nay. Có mặt tại phiên toà.

- *Bị hại:* Ông Phạm Thanh L, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Số 322, ấp H, xã A, thành phố T, tỉnh L. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1960. Nơi cư trú: ấp 3, xã H, huyện C, tỉnh L. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh T. Có mặt.

3. Ông Võ Thanh T, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh T. Có mặt.

4. Ông Trần Nam T, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Khu phố P, thị trấn T, huyện C, tỉnh L. Vắng mặt.

5. Ông Huỳnh Ngọc K, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn T, huyện C, tỉnh L. Vắng mặt.

6. Ông Cao Hồng T, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Hà Ngọc T thấy vườn của ông Phạm Thanh L trồng nhiều cây kiểng, nhưng không người trông coi, nên rủ bị cáo Phạm Công Đ trộm về để trồng thì bị cáo Đ đồng ý. Khoảng 23 giờ ngày 22/02/2022, bị cáo Đ điều khiển xe mô tô biển số 62F4-8598, chạy đến chòi thanh long của ông Nguyễn Trung T, địa chỉ ấp 1, xã H, huyện C, tỉnh Long An, cách nhà bị cáo T khoảng 50 mét, khi thấy bị cáo Đ đến thì bị cáo T từ nhà đi ra gặp bị cáo Đ mang theo 01 cái kiềm. Bị cáo Đ để xe ở chòi thanh long. Các bị cáo T và Đ cùng đi bộ đến vườn kiểng của ông L, thấy cổng rào khoá, các bị cáo T và Đ đi vòng bên ngoài phía trái ra sau (nhìn từ đường Phạm Văn Đ vào), bị cáo T dùng kiềm cắt rào B40 để hai người vào vườn kiểng, bị cáo Đ chọn những cây kiểng đẹp, bị cáo T dùng kiềm cắt rào B40, phía bên phải vườn kiểng tạo lối ra. Các bị cáo T, Đ nhổ 06 cây mai vàng (có 02 cây mai tứ quý ghép mai vàng), 04 cây mai chiếu thuỷ, 02 cây bông giấy và 01 cây lộc vừng. Cả hai chuyển tất cả cây kiểng trộm đến bờ kênh cách vườn kiểng khoảng 100 mét, để cặp

đường Phạm Văn Đ. Sau đó, bị cáo T về chòi thanh long ông T lấy xe của bị cáo Đ và 01 bội tre của ông T đến để chở kiểng về chòi thanh long ông T. Riêng 01 cây lộc vừng bị cáo Đ vác đi bộ dọc đường bị cáo T quay lại rước về. Khoảng 02 giờ ngày 23/02/2022, bị cáo Đ dùng bội tre chở 04 cây mai chiếu thuỷ, 02 cây bông giấy gửi tại nhà bị cáo Nguyễn Văn Th, địa chỉ ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, 06 cây mai vàng và 01 cây lộc vừng bị cáo T mang về để ở sân nhà.

Khoảng 17 giờ ngày 24/02/2022, bị cáo Đ điện thoại cho ông Nguyễn Văn V, ngụ ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, mượn xe mô tô ba bánh, ông V đồng ý. Bị cáo Đ điện thoại cho ông Võ Thanh T, ngụ ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nhờ ông T đến nhà ông V chạy xe mô tô ba bánh về nhà bị cáo Th, ông T đồng ý.

Khoảng 19 giờ ngày 24/02/2022, các bị cáo Đ, T chơi tại nhà bị cáo Th, bị cáo Đ hẹn bị cáo T lát nữa qua chở cây kiểng, bị cáo T về nhà vác những cây kiểng ra chòi thanh long ông T. Khoảng 21 giờ cùng ngày, bị cáo Đ nói cho bị cáo Th biết vào tối ngày 22 và rạng sáng ngày 23/02/2022, các bị cáo Đ và T có trộm cây kiểng ở ấp 1, xã H, hiện còn để ở nhà bị cáo T 06 cây mai vàng và 01 cây lộc vừng, hỏi bị cáo Th mang về nhà bị cáo Th trồng, sau này chia nhau làm cây cảnh và rủ bị cáo Th đi chở cây kiểng, bị cáo Th đồng ý. Khoảng 23 giờ ngày 24/02/2022, bị cáo Đ điều khiển xe mô tô biển số 62K1-030.08 (xe bị cáo Đ mượn của ông Trần Nam T) chở bị cáo Th; ông T chạy xe mô tô 03 bánh đến chòi thanh long ông T. Bị cáo Đ cùng các bị cáo T và Th bỏ 06 cây mai vàng lên xe mô tô ba bánh, riêng cây lộc vừng bị cáo T để lại trồng, dùng tấm mũ che cây kiểng lại để ông T chở về nhà bị cáo Th và trả xe cho ông V. Khoảng 08 giờ ngày 25/02/2022, các bị cáo Đ, T, Th trồng số cây kiểng trộm tại nhà bị cáo Th. Sau đó bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành phát hiện, thu giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 28/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Châu Thành đã xác định giá trị tài sản trộm cắp, gồm: 02 cây mai tứ quý (ghép mai vàng), 04 cây mai vàng, 04 cây mai chiếu thủy, 02 cây bông giấy, 01 cây lộc vừng. Giá trị định giá tổng cộng: 13.600.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành thu giữ và quyết định xử lý vật chứng: Trả lại ông Phạm Thanh L 06 cây mai vàng (có 02 cây mai tứ quý ghép mai vàng), 04 cây mai chiếu thuỷ, 02 cây bông giấy và 01 cây lộc vừng; trả lại ông Trần Nam T xe mô tô biển số 62K1-030.08; trả lại ông Nguyễn Trung T 01 bội tre.

Vật chứng hiện đang tạm giữ: 01 điện thoại di động Nokia 1200, màu đen, có sim số 0387769535 của bị cáo Phạm Công Đ; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen xám của bị cáo Hà Ngọc T; 01 xe mô tô hiệu Supersiva, màu nâu, biển số 62F4-8598 của bị cáo Phạm Công Đ; 01 cái kiềm kim loại, màu đen, dài 21cm, cán kiềm ốp nhựa màu xanh, vàng của bị cáo Hà Ngọc T.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKSCT ngày 04 tháng 7 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố các bị cáo Hà Ngọc T và Phạm Công Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn

Th về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có", theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Hà Ngọc T, Phạm Công Đ và Nguyễn Văn Th theo tội danh và điều luật nêu trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm h, điểm s, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hà Ngọc T mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm h, điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Công Đ mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38; Điều 50; điểm h, điểm s, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tuyên tịch thu hoá giá sung ngân sách Nhà nước các vật chứng dùng vào việc phạm tội gồm: 01 điện thoại di động Nokia 1200, màu đen, có sim số 0387769535 của bị cáo Phạm Công Đ; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen xám của bị cáo Hà Ngọc T; 01 xe mô tô hiệu Supersiva, màu nâu, biển số 62F4-8598 của bị cáo Phạm Công Đ; 01 cái kiềm kim loại, màu đen, dài 21cm, cán kiềm ốp nhựa màu xanh, vàng của bị cáo Hà Ngọc T.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng xin xem xét giảm nhẹ mức án cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, của Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nhưng các đương sự đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự, theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Tại phiên toà, các bị cáo Hà Ngọc T và Phạm Công Đ đã khai nhận: Lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu, vào lúc 23 giờ ngày 22/02/2022 các bị cáo Hà Ngọc T và Phạm Công Đ đã lén lút vào vườn kiểng của ông Phạm Thanh L, để trộm cắp cây kiểng. Tổng số cây kiểng trộm cắp được định giá tổng cộng là 13.600.000 đồng. Sau khi trộm cắp cây kiểng, các bị cáo T và Đ đã nói cho bị cáo Nguyễn Văn Th biết là tài sản do trộm cắp mà có, nhưng bị cáo Th vẫn đồng ý đem các cây kiểng về đất nhà của bị cáo Th trồng để sau này chia nhau làm cây cảnh. Ngày 25/2/2022, các bị cáo T, Đ, Th trồng số cây kiểng trộm cắp được tại nhà bị cáo Th, thuộc ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì bị phát hiện, thu giữ.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Điều 173 Bộ luật Hình sự, quy định tội: "*Trộm cắp tài sản":*

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ..."

Xét thấy, các bị cáo Hà Ngọc T và Phạm Công Đ đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là các cây kiểng của ông Phạm Thanh L có giá trị theo định giá là 13.600.000 đồng. Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Hà Ngọc T và Phạm Công Đ đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Th đã biết được các cây kiểng là do các bị cáo Hà Ngọc T và Phạm Công Đ trộm cắp mà có nhưng vẫn chứa chấp nên đã phạm tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định:

"*1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."*

Xét thấy các bị cáo Hà Ngọc T và Phạm Công Đ có nghề nghiệp và sức khoẻ, nhưng không chịu lao động chính đáng để lo cho bản thân và gia đình, các bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản của người khác nhằm để phục vụ cho bản thân. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây bất bình cho quần chúng nhân dân. Đây là vụ án đồng phạm, nhưng chưa có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau, nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Trong đó bị cáo T là người rủ rê, lôi kéo đồng bọn phạm tội, bị cáo Đ là người thực hiện tội phạm. Sau khi trộm được cây kiểng các bị cáo T và Đ đã nói cho bị cáo Thành biết, nhưng bị cáo Th vẫn đồng ý mang số cây kiểng trên về nhà để trồng, đã chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có. Do đó, để lập lại trật tự kỷ cương của pháp luật, cần tuyên cho các bị cáo một hình phạt tương xứng thì mới đề cao tính nghiêm minh của pháp luật cũng như răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại

cho bị hại nên thiệt hại không lớn và các bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi. Bị cáo Hà Ngọc T có mẹ ruột bà Trần Thị M được Uỷ ban nhân dân tỉnh Long An tặng bằng khen giúp đỡ cách mạng trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước; Bị cáo Nguyễn Văn Th có bà nội Trần Thị P được Nhà nước tặng danh hiệu đã có ba con hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, cha ruột Nguyễn Văn Đ được Nhà nước tặng Kỷ niệm chương là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, điểm s, điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục và xét thấy không cần phải chấp hành hình phạt tù thì các bị cáo vẫn có khả năng tự cải sửa bản thân trở thành công dân tốt cho xã hội.

Đối với ông Nguyễn Văn V cho mượn xe mô tô ba bánh; ông Võ Thanh T lái xe chở cây kiểng trộm. Qua điều tra xác định các đương sự không biết đây là tài sản trộm, nên Cơ quan điều tra không khởi tố xử lý với vai trò đồng phạm là đúng quy định.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Bị hại không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì, nên không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu hoá giá sung ngân sách Nhà nước các công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội gồm: 01 điện thoại di động Nokia 1200, màu đen, có sim số 0387769535 của bị cáo Phạm Công Đ; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen xám của bị cáo Hà Ngọc T; 01 xe mô tô hiệu Supersiva, màu nâu, biển số 62F4-8598 của bị cáo Phạm Công Đ; 01 cái kiềm kim loại, màu đen, dài 21cm, cán kiềm ốp nhựa màu xanh, vàng của bị cáo Hà Ngọc T.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị xử phạt các bị cáo về tội danh, mức án và xử lý vật chứng là phù hợp.

[5] Về án phí: Các bị cáo Hà Ngọc T, Phạm Công Đ và Nguyễn Văn Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Các bị cáo Hà Ngọc T và Phạm Công Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội: "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có".

1)- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm h, điểm s, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hà Ngọc T 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 năm, được tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Hà Ngọc T về cho UBND xã H, huyện C, tỉnh Long An quản lý, giáo dục.

Trường hợp bị cáo vắng mặt nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2)- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm h, điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Công Đ 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm, được tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Công Đ về cho UBND xã T, huyện C, tỉnh T quản lý, giáo dục.

Trường hợp bị cáo vắng mặt nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3)- Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38; Điều 50; điểm h, điểm s, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm, được tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Th về cho UBND xã T, huyện C, tỉnh T quản lý, giáo dục.

Trường hợp bị cáo vắng mặt nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu hoá giá sung ngân sách Nhà nước các công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội gồm: 01 điện thoại di động Nokia 1200, màu đen, có sim số 0387769535 của bị cáo Phạm Công Đ; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen xám của bị cáo Hà Ngọc T; 01 xe mô tô hiệu Supersiva, màu nâu, biển số 62F4-8598 của bị cáo Phạm Công Đ; 01 cái kiềm kim loại, màu đen, dài 21cm, cán kiềm ốp nhựa màu xanh, vàng của bị cáo Hà Ngọc T. Các vật chứng trên hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành đang quản lý, theo biên bản giao, nhận vật chứng vụ án ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Về án phí: Các bị cáo Hà Ngọc T, Phạm Công Đ và Nguyễn Văn Th mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thái